

BÀI NGHIÊN CỨU
QUAN HỆ THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ GIỮA VIỆT NAM -
HÀN QUỐC

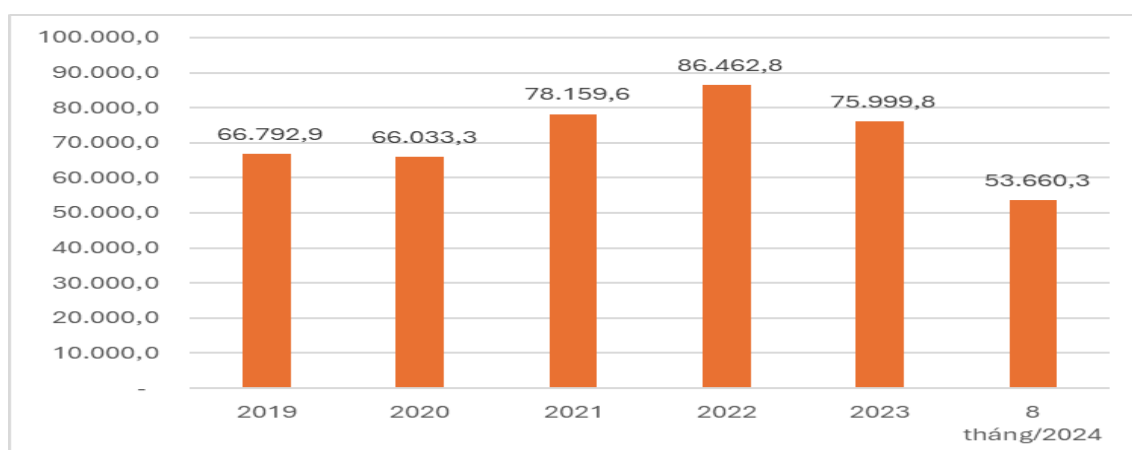


Người thực hiện: Nguyễn Tuyết Ngân
Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 11/2024

THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ GIỮA HÀN QUỐC VÀ VIỆT NAM

Về thương mại, trong giai đoạn 2019-2023, thương mại hai chiều giữa Việt Nam và Hàn Quốc liên tục tăng trưởng bởi cơ cấu xuất nhập khẩu bổ sung cho nhau và ít có sự cạnh tranh trực tiếp. Năm 2022, kim ngạch thương mại song phương Việt Nam - Hàn Quốc đạt mức cao nhất 86,4 tỷ USD, thấp nhất là năm 2020 ở mức 66,03 tỷ USD. Riêng 8 tháng năm 2024, tổng xuất nhập khẩu giữa Việt Nam và Hàn Quốc ước đạt 53,66 tỷ USD; trong đó, xuất khẩu ước đạt 16,85 tỷ USD và nhập khẩu đạt 36,81 tỷ USD. Hai nước hướng tới mục tiêu kim ngạch thương mại song phương đạt 100 tỷ USD năm 2025 và 150 tỷ USD năm 2030. Các mặt hàng xuất khẩu chính ghi nhận tăng trưởng gồm máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện; điện thoại các loại và linh kiện; máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác; hàng dệt, may; phương tiện vận tải và phụ tùng; máy ảnh, máy quay phim và linh kiện; xơ, sợi dệt các loại; dây điện và dây cáp điện; nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày; sản phẩm từ cao su; sản phẩm hóa chất; phân bón các loại.

Tổng kim ngạch thương mại song phương giữa Việt Nam – Hàn Quốc giai đoạn 2019-2023

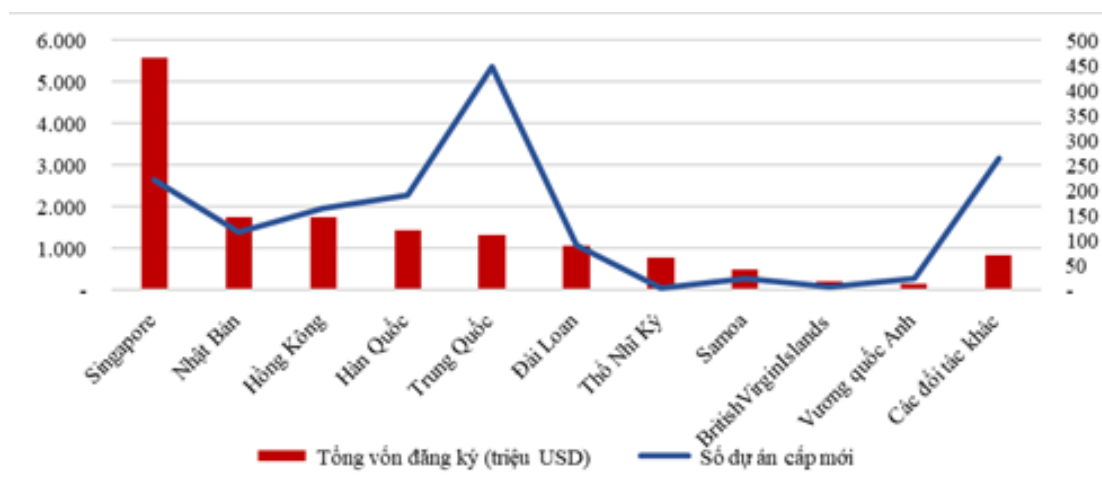


Nguồn: Cục Đầu tư nước ngoài, Bộ Kế hoạch và đầu tư

Về kinh tế đầu tư, hiện nay, Hàn Quốc là đối tác kinh tế quan trọng hàng đầu của Việt Nam, đứng thứ nhất về đầu tư, đứng thứ hai về ODA (sau Nhật Bản). Tính đến tháng 20/6/2024, Hàn Quốc đã có khoảng 10.003 dự án đầu tư còn hiệu lực tại Việt Nam, với tổng vốn đăng ký là 87,5 tỷ USD (*chiếm 18% tổng vốn đầu tư*), đứng thứ nhất về tổng vốn đăng ký đầu tư và tổng số dự án tại Việt Nam – theo Cục Đầu tư

nước, Bộ Kế hoạch và đầu tư. Doanh nghiệp Hàn Quốc tiếp tục là thành phần quan trọng của nền kinh tế Việt Nam, đóng góp khoảng 30% tổng giá trị xuất khẩu của Việt Nam[1]

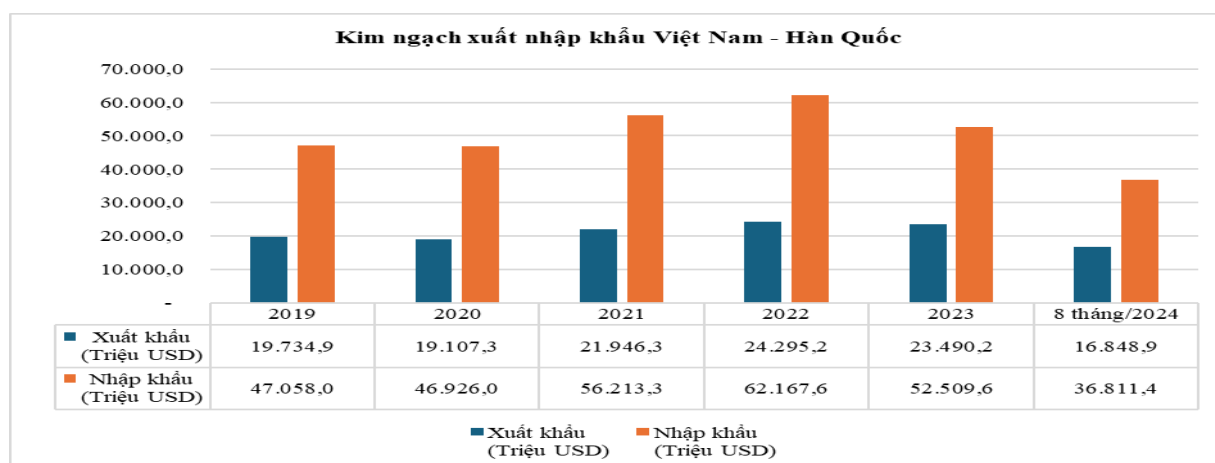
Cơ cấu ĐTNN 06 tháng đầu năm 2024 theo đối tác



Nguồn: Cục Đầu tư nước ngoài, Bộ Kế hoạch và đầu tư

TÌNH HÌNH THƯƠNG MẠI HÀNG HÓA GIỮA VIỆT NAM VÀ HÀN QUỐC

Trong những năm gần đây, thương mại song phương giữa Việt Nam và Hàn Quốc đã có những bước phát triển vượt bậc, đóng góp quan trọng vào sự thịnh vượng kinh tế của cả hai quốc gia. Theo số liệu từ Tổng cục Hải quan Việt Nam, trong giai đoạn 2019-2023, kim ngạch thương mại hai chiều giữa Việt Nam và Hàn Quốc đã liên tục có dấu hiệu tăng trưởng, trung bình đạt trên 74,69 tỷ USD/năm. Trong giai đoạn từ 2019-2023, kim ngạch thương mại song phương đạt đỉnh vào năm 2022 với trị giá xuất nhập khẩu đạt 86,5 tỷ USD và thấp nhất là vào năm 2020 với 66,03 tỷ USD do ảnh hưởng của đại dịch COVID 19.



Nguồn: Tổng cục Hải quan Việt Nam và Tổng Cục thống kê

Tốc độ tăng trưởng xuất khẩu trung bình của Việt Nam sang Hàn Quốc giai đoạn này là 5,5%/năm. So với tốc độ tăng trưởng xuất khẩu trung bình của Việt Nam ra thế giới cùng giai đoạn (7,98%/năm) thì tốc độ tăng trưởng xuất khẩu sang Hàn Quốc của Việt Nam chậm hơn. Ngoài ra, kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường này vẫn còn khá khiêm tốn khi chỉ chiếm 6,6% trong tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam ra thế giới năm 2023 (354,721 tỷ USD). Tuy nhiên, điều này cho thấy thị trường Hàn Quốc vẫn còn nhiều dư địa cho hàng hóa của Việt Nam, đặc biệt với chính sách mở rộng ưu đãi thuế quan từ các Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam – Hàn Quốc (VKFTA), ASEAN - Hàn Quốc (AKFTA) và RCEP.

	Năm	2019	2020	2021	2022	2023	Trung bình
Hàn Quốc	Xuất khẩu (Triệu USD)	19.734,9	19.107,3	21.946,3	24.295,2	23.490,2	21.714,8
	Tăng trưởng (%)	8,20	-3,18	14,86	10,70	-3,31	5,5
Thế giới	Xuất khẩu (Triệu USD)	264.267,2	282.628,9	36.166,8	371.715,4	354.721,0	21.899,9
	Tăng trưởng (%)	8,00	6,95	18,94	10,57	4,57	7,98

Nguồn: Tổng cục Hải quan Việt Nam và Tổng Cục thống kê

Quan hệ thương mại và đầu tư giữa Việt Nam – Hàn Quốc

Việt Nam xuất khẩu sang Hàn Quốc những mặt hàng chủ yếu bao gồm: máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện; điện thoại các loại và linh kiện; hàng dệt, may; giày dép; thủy sản; nông sản; rau quả;... Trong giai đoạn 2019-2023 nhóm hàng xuất khẩu hai mặt hàng máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện; điện thoại các loại và linh kiện là những mặt hàng xuất khẩu sang Hàn Quốc cao nhất, tuy nhiên nhưng mặt hàng này đa số là của các công ty có vốn đầu tư nước ngoài. Những mặt hàng thế mạnh của Việt Nam như hàng dệt may; thủy sản; nông sản còn chiếm tỷ trọng thấp. Vì vậy, trong thời gian tới muốn xuất khẩu những mặt hàng này sang Hàn Quốc các doanh nghiệp cần nâng cao chất lượng sản phẩm để đáp ứng những tiêu chuẩn của thị trường Hàn Quốc.

TT	Mặt hàng xuất khẩu	2019	2020	2021	2022	2023	8 tháng 2024
1	Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	2.876,8	2.874,6	3.492,5	3.384,0	4.826,9	3.498,1
2	Điện thoại các loại và linh kiện	5.144,7	4.577,5	4.796,3	5.048,1	3.509,6	2.470,0
3	Hàng dệt, may	3.352,2	2.855,3	2.952,0	3.309,2	3.046,6	2.054,4
4	Giày dép	604,6	548,6	503,4	651,0	626,6	451,5
5	Thủy sản	781,8	770,9	808,4	949,6	790,8	510,3
Tổng giá trị XK sang Hàn Quốc		19.734,9	19.107,3	21.946,3	24.295,2	23.490,2	16.848,9

Nguồn: Tổng cục Hải quan Việt Nam và Tổng Cục thống kê

Nhập khẩu từ Hàn Quốc cá mặt hàng bao gồm: máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện; máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác; xăng dầu các loại; hóa chất; vải các loại;....Nhập khẩu của Việt Nam từ Hàn Quốc chủ yếu là các nguyên liệu đầu vào cho các ngành công nghiệp chủ lực của Việt Nam. Do đó, việc tận dụng ưu đãi thuế quan trong các Hiệp định thương mại tự do là rất quan trọng đối với doanh nghiệp,

Quan hệ thương mại và đầu tư giữa Việt Nam – Hàn Quốc

giúp doanh nghiệp sản xuất có giá thành thấp, cạnh tranh với hàng hóa nhập khẩu cũng như có thể cạnh tranh với hàng hóa của các quốc gia khác trên thị trường quốc tế. Nhìn chung, hàng hóa giữa Việt Nam và Hàn Quốc có tính bổ trợ cho nhau, nên khi thực thi các Hiệp định thương mại tự do sẽ là điều kiện rất thuận lợi cho việc giao thương giữa hai nước.

TT	Mặt hàng nhập khẩu	2019	2020	2021	2022	2023	8 tháng 2024
1	Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	16.844,2	17.139,3	20.285,4	23.190,9	28.747,8	20.583,4
2	Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác	6.163,2	6.007,3	6.113,6	6.212,1	5.437,9	3.683,5
3	Xăng dầu các loại	1.927,6	1.025,8	1.002,5	3.428,4	3.219,9	1.664,8
4	Hóa chất	435,3	434,3	567,1	595,8	428,7	350,2
5	Vải các loại	2.024,2	1.625,0	1.798,1	1.774,3	1.381,1	997,8
Tổng giá trị NK từ Hàn Quốc		47.058,0	46.926,0	56.213,3	62.167,6	52.509,6	36.811,4

Nguồn: Tổng cục Hải quan Việt Nam và Tổng Cục thống kê

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Công Thương (2023, 2024), *Báo cáo xuất nhập khẩu Việt Nam 2022, 2023*, Nxb Hồng Đức.
2. Tổng cục Thống kê (2019-2023), *Niên giám Thống kê các năm 2019, 2020 2021, 2022*, Nxb Thống kê.